TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH B GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2023
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thanh Miện

2. Ông Bùi Thế Hanh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Đoàn Thanh Hiệp- Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Tươi- Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 289/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc*" Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị P, sinh năm 2001 (Có mặt)

Cư trú: Tổ dân phố Cầu Trang, thị trấn B Lý, huyện Hiệp Hòa

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1997 (Vắng mặt)

Cư trú: Tổ dân phố Thống Nhất, thị trấn B Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh B Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/09/2022, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B Lý (nay là UBND thị trấn B Lý) ngày 27/12/2019. Sau khi kết hôn chị về sống chung cùng anh H ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà My, sinh ngày 15/10/2020, hiện nay đang sinh sống cùng chị, vợ chồng ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung.

Tại phiên tòa chị P thay đổi lời khai trình bày, hiện nay con chung đang sinh sống cùng anh H từ đầu tháng 12/2022, ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh

H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác*:* Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H tại bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Anh và chị Ngô Thị P trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã B Lý (nay là UBND thị trấn B Lý) ngày 27/12/2019. Sau khi kết hôn chị P về sống chung cùng anh ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 8/2022 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay, từ khi sống ly thân vợ chồng không ai quan tâm đến ai, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị P có đơn xin ly hôn, thì anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Trà My, sinh ngày 15/10/2020, hiện nay đang ở với chị P, vợ chồng ly hôn anh đề nghị được nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác*:* Anh xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Áp dụng Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Xử:

1, Về quan hệ tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị P và anh Nguyễn Văn H.

2, Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Trà My, sinh ngày 15/10/2020.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

3, Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4, Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

5, Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với đương sự nêu trên là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ tình cảm: Chị Ngô Thị P và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 27/12/2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh B Giang. Hôn nhân tự nguyện, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn, là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định được trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2022 không còn quan hệ tình cảm, không còn chung sống với nhau. Chị P yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị P. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị P công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị P và anh Nguyễn Văn H là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Trà My, sinh ngày 15/10/2020. Tại phiên tòa chị P thay đổi ý kiến trình bày, xác định hiện con chung đang ở cùng anh H từ đầu tháng 12/2022. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị giao con chung cho anh H nuôi dưỡng, xét thấy sự thay đổi ý kiến trình bày của chị P hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc gì. Anh H có nguyện vọng được nuôi con chung, do vậy để con chung có cuộc sống ổn định, được chăm sóc chu đáo. Do vậy, cần giao cháu Nguyễn Ngọc Trà My cho anh Nguyễn Văn H nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng và yêu cầu của đương sự và phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nôi con: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

[4]- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Cả chị P và anh H xác định không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]- Về án phí: Chị Ngô Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị P và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Trà My, sinh ngày 15/10/2020.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: chị Ngô Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí DSST. NH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp theo biên lai thu số 0008374 ngày 18/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh B Giang. Xác nhận chị P đã nộp đủ tiền án phí DSST .

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt, hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9- Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh B Giang;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn B Lý;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Ngô Thanh Thuần

Các Hội thẩm nhân dân	Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
Bùi Thế Hanh Lê Thanh Miện	**Ngô Thanh Thuần**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- TAND tỉnh B Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Lương Phong ;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Ngô Thanh Thuần